

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vũ Ngọc Giáp.

2/ Ông Cao Thanh H.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT.

* *Bị đơn:* Anh **Dương Mạnh H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT.

(Chị T và anh H đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Phùng Thị T trình bày:*

Chị Phùng Thị T và anh Dương Mạnh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 17/04/2009 tại UBND xã Năng Yên (nay là xã QY), huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Nay chị T xác định hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tiếp tục sống chung bên nhau nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Mạnh

H.

Về con chung: Chị T xác định, chị T và anh Dương Mạnh H có một con chung là cháu Dương Hồng N, sinh ngày 09/04/2013. Hiện cháu đang ở với anh H tại khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT. Nay ly hôn, chị T đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi con do cháu Nguyên đang ở cùng với anh H đã ổn định, nên không muốn làm xáo trộn tâm lý và cuộc sống của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Dương Mạnh H trình bày:* Anh H và chị Phùng Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/04/2009 tại UBND xã Năng Yên (nay là xã QY), huyện TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình nhà chị T ở khu 2, xã Tình Cương, nay là xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh PT. Thời gian ở chung với gia đình chị T là 11 năm từ năm 2009 đến năm 2022, tình cảm giữa hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 14 năm. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ cuối năm 2023 do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau và chị T có mối quan hệ bên ngoài dẫn đến cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, quan điểm của anh H mong muốn được đoàn tụ với chị T. Nếu không được thì anh H cũng chấp nhận ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H xác định, anh H và chị T có một con chung là cháu Dương Hồng N, sinh ngày 09/04/2013. Hiện cháu đang ở với anh H tại khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT. Anh H đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu đầy đủ. Nếu vợ chồng ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị T

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Dương Mạnh H

[2]. Về con chung: Giao cho anh Dương Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Dương Hồng N, sinh ngày 09/04/2013 (đang ở cùng anh H tại khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT);

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T và anh H, mỗi người pH chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tiền án phí là: 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001876 ngày 05/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT. Trả lại cho chị T 225.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Phùng Thị T và bị đơn là anh Dương Mạnh H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H và chị T xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Dương Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được UBND xã Năng Yên (nay là xã QY), huyện TB đăng ký kết hôn ngày 17/04/2009, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H thấy rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh H sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng và không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay; Nay anh H có mong muốn được đoàn tụ với chị T, nếu không được thì cũng chấp nhận ly hôn với chị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, còn yêu cầu xin đoàn tụ của anh H là không thực tâm, nửa vờ; Vì anh H không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn, xin đoàn tụ;

Quá trình Toà án giải quyết vụ án anh H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt hơn nữa anh H có quan điểm xin đoàn tụ nếu không được thì chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H đều xác định anh, chị có 01 con chung là cháu Dương Hồng N, sinh ngày 09/04/2013. Hiện cháu đang ở cùng anh H, nay ly hôn chị T và anh H có yêu cầu là để cho anh H trực tiếp nuôi con. Xét yêu của chị T, anh H là phù hợp với điều kiện thực tế, không làm xáo trộn tâm lý của cháu N. Vì vậy, giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T pH chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ để xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Dương Mạnh H.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Dương Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu: Dương Hồng N, sinh ngày 09/04/2013 (đang ở cùng anh H tại khu Minh Tân, xã QY, huyện TB, tỉnh PT).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng; Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001876 ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã QY;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

